

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được kiểm toán:	06 - 33
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09 - 10
- Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được cổ phần hóa từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch	
Ông Đỗ Doãn Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Ninh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 26/04/2017)
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 26/04/2017)
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Doãn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hà Xuân Hán	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Kiểm soát viên
Ông Lê Anh Tuấn	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Đoàn Hùng

Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 01 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được lập ngày 01 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 31b trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Tại thời điểm 30/06/2017, Nợ ngắn hạn của Công ty là 1.536,68 tỷ VND, Tài sản ngắn hạn là 511,74 tỷ VND; lỗ lũy kế là (2.034,06) tỷ VND. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty, đồng thời Tập đoàn Hóa chất Việt Nam sẽ cùng Công ty tiếp tục thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp để Công ty ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo khả năng trả nợ.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Căn cứ thông báo số 947/HCVN-TCKT ngày 24/05/2017, Công ty thực hiện trích khấu hao theo phương án Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 306/BTC-TCDN ngày 29/03/2017, cụ thể như sau:
Năm 2017 thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 40%; năm 2018, 2019 trích 50% mức phải trích hàng năm theo phương pháp đường thẳng.

Công ty hạch toán ghi nhận chi phí khấu hao được giãn là chi phí trả trước dài hạn.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Vũ Xuân Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1942-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		511.741.971.307	544.272.540.748
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	130.295.881.371	27.603.598.705
111	1. Tiền		120.295.881.371	17.603.598.705
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		189.758.307.057	141.645.077.276
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	159.182.060.266	110.128.777.434
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.939.432.667	8.052.045.129
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	418.345.668
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	30.847.151.186	28.256.246.107
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.210.337.062)	(5.210.337.062)
140	IV. Hàng tồn kho	8	190.121.416.243	374.006.662.621
141	1. Hàng tồn kho		190.121.416.243	374.006.662.621
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.566.366.636	1.017.202.146
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.565.450.287	1.017.202.146
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		916.349	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.127.382.891.863	9.232.862.333.764
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		134.000.000	134.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	134.000.000	134.000.000
220	II. Tài sản cố định		8.561.211.273.306	8.859.678.465.630
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	8.551.563.696.677	8.849.383.774.235
222	- Nguyên giá		10.533.066.172.729	10.492.194.940.602
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.981.502.476.052)	(1.642.811.166.367)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.647.576.629	10.294.691.395
228	- Nguyên giá		13.226.611.293	13.226.611.293
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.579.034.664)	(2.931.919.898)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	70.715.377.478	70.257.570.933
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		33.552.540	33.552.540
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		70.681.824.938	70.224.018.393
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	60.223.204.566	58.574.854.068
251	1. Đầu tư vào công ty con		48.211.366.115	48.211.366.115
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		13.309.225.368	13.309.225.368
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.297.386.917)	(2.945.737.415)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		435.099.036.513	244.217.443.133
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	435.099.036.513	244.217.443.133
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.639.124.863.170	9.777.134.874.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.951.184.636.366	8.776.314.727.848
310	I. Nợ ngắn hạn		1.536.683.136.001	1.331.916.333.270
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	334.603.253.296	427.178.636.907
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	60.062.635.605	12.197.043.222
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.784.526.567	7.063.547.436
314	4. Phải trả người lao động		3.373.944.389	7.205.058.532
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.739.806.099	2.389.952.291
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	488.069.889.294	246.515.278.642
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	634.693.003.553	622.203.792.758
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	4.765.181.216	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.590.895.982	7.163.023.482
330	II. Nợ dài hạn		7.414.501.500.365	7.444.398.394.578
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	70.653.367.087	69.728.626.787
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	7.340.771.672.430	7.371.593.306.943
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		3.076.460.848	3.076.460.848
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		687.940.226.804	1.000.820.146.664
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	687.940.226.804	1.000.820.146.664
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.034.059.773.196)	(1.721.179.853.336)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(1.721.179.853.336)	(669.733.694.565)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(312.879.919.860)	(1.051.446.158.771)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.639.124.863.170	9.777.134.874.512

Nguyễn Thu Nga
Người lập biểu

Lê Thị Tân Hoa
Trưởng phòng Kế toán

Đỗ Doãn Hùng
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 01 tháng 08 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.194.189.017.253	965.454.075.602
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	8.910.000.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.185.279.017.253	965.454.075.602
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.098.545.665.057	1.051.983.007.084
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.733.352.196	(86.528.931.482)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.646.140.860	34.680.941.781
22	7. Chi phí tài chính	25	346.676.719.527	316.459.048.238
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		337.349.947.164	313.548.781.150
25	8. Chi phí bán hàng	26	16.552.945.060	29.516.879.328
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	38.914.456.623	53.137.707.499
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(312.764.628.154)	(450.961.624.766)
31	11. Thu nhập khác		412.056.098	747.387.524
32	12. Chi phí khác		527.347.804	67.910.384
40	13. Lợi nhuận khác		(115.291.706)	679.477.140
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(312.879.919.860)	(450.282.147.626)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(312.879.919.860)	(450.282.147.626)

Nguyễn Thu Nga

Nguyễn Thu Nga
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 01 tháng 08 năm 2017

Lê Thị Tân Hoa

Lê Thị Tân Hoa
Trưởng phòng Kế toán



Đỗ Doãn Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(312.879.919.860)	(450.282.147.626)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		135.735.369.777	315.077.921.377
03	- Các khoản dự phòng		3.116.830.718	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		10.379.041.393	(31.326.038.134)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.618.043.892)	(222.539.949)
06	- Chi phí lãi vay		337.349.947.164	313.548.781.150
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		171.083.225.300	146.795.976.818
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(47.074.773.722)	138.498.037.404
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		183.885.246.378	54.967.133.543
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(37.643.622.788)	71.922.551.924
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		12.173.213.153	16.744.753.497
14	- Tiền lãi vay đã trả		(116.204.345.684)	(313.548.781.150)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(11.033.760.571)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	12.667.815.778
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.572.127.500)	(46.769.538.721)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		163.646.815.137	70.244.188.522
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(48.836.338.500)	(720.916.222.581)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.619.371.670	3.033.040.029
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(46.216.966.830)	(717.883.182.552)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		644.100.000.000	1.449.576.022.869
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(658.837.908.000)	(850.664.337.708)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(14.737.908.000)</i>	<i>598.911.685.161</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		102.691.940.307	(48.727.308.869)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		27.603.598.705	109.199.336.666
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		342.359	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		<u>130.295.881.371</u>	<u>60.472.027.797</u>



Nguyễn Thu Nga
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 01 tháng 08 năm 2017



Lê Thị Tân Hoa
Trưởng phòng Kế toán




Đỗ Doãn Hùng
Tổng Giám đốc

11105
CÔNG TY
KIỂM HỮU
KIỂM T
ASC
T. BẮC GIANG - T. BẮC GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được cổ phần hóa từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký tại ngày 30/06/2017 là 2.722.000.000.000 đồng, tương đương với 272.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán phân đạm Urê, phân hỗn hợp NPK, hoá chất cơ bản, điện, hàng cơ khí;
- Sản xuất, mua bán NH₃ lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp, các-bon đi-ô-xít (lỏng, rắn);
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh các sản phẩm hoá chất và phân bón;
- Xây lắp công trình công nghiệp, công trình dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Năm 2017, Công ty chi trích khấu hao tài sản cố định bằng 40% so với mức phải trích theo phương pháp đường thẳng (căn cứ thông báo số 947/HCVN-TCKT ngày 24/05/2017, Công ty thực hiện trích khấu hao theo phương án Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 306/BTC-TCĐN ngày 29/03/2017). Do đó giá thành sản phẩm sản xuất giảm mạnh làm lợi nhuận gộp tăng lên so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 đơn vị trực thuộc là Ban Quản lý Dự án cải tạo và mở rộng Nhà máy Đạm Hà Bắc.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.



2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

Căn cứ thông báo số 947/HCVN-TCKT ngày 24/05/2017, Công ty thực hiện trích khấu hao theo phương án Bộ Tài chính đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 306/BTC-TCDN ngày 29/03/2017, cụ thể như sau:

Năm 2017 thực hiện trích khấu hao tài sản cố định 40%; năm 2018, 2019 trích 50% mức phải trích hàng năm theo phương pháp đường thẳng.

Công ty hạch toán ghi nhận chi phí khấu hao được giãn là chi phí trả trước dài hạn.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần trong 10 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái...
- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tiền mặt	3.884.450.426	3.425.102.112
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	116.411.430.945	14.178.496.593
- Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
	130.295.881.371	27.603.598.705

Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 4,78 %/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	48.211.366.115	(1.297.386.917)	48.211.366.115	(2.945.737.415)
- Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	48.211.366.115	(1.297.386.917)	48.211.366.115	(2.945.737.415)
Đầu tư vào công ty liên kết	13.309.225.368	-	13.309.225.368	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	3.646.413.000	-	3.646.413.000	-
- Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	9.662.812.368	-	9.662.812.368	-
	61.520.591.483	(1.297.386.917)	61.520.591.483	(2.945.737.415)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	Bắc Giang	64,56%	64,56%	Sản xuất và kinh doanh H2O2

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất và kinh doanh phân bón
- Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất và kinh doanh CO2

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty con, công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh 34.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	37.978.146.143	36.883.404.084
- Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	20.116.724.150	-
- Công ty WUHUAN ENGINEERING CO.,LTD-VP điều hành công trình tại Bắc Giang	54.865.326.558	54.744.106.558
- Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - VINACOMIN	28.234.447.446	5.170.834.716
- Các khoản phải thu khách hàng khác	18.121.415.969	13.464.432.076
	159.316.060.266	110.262.777.434
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	159.182.060.266	110.128.777.434
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	134.000.000	134.000.000
	159.316.060.266	110.262.777.434
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	62.716.632.782	42.391.325.559

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty TNHH Vật tư và Thương mại Hoà Tấn Nam Ninh Trung Quốc	2.111.354.008	5.870.205.784
- Công ty TNHH Hoá chất Dầu khí Động Thiên Nhạc Dương Trung Quốc	458.063.282	1.227.193.532
- Các khoản trả trước cho người bán khác	2.370.015.377	954.645.813
	4.939.432.667	8.052.045.129

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về lãi tiền gửi	33.194.444	-	34.522.222	-
- Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	784.947.365	-	-	-
- Tạm ứng	745.560.320	-	62.800.000	-
- Chênh lệch thuế lấp đặt	13.280.418.189	-	13.438.777.576	-
- Công ty Cổ phần Constrexim - Meco	5.210.337.062	(5.210.337.062)	5.210.337.062	(5.210.337.062)
- Chi phí dự án tái định cư	1.922.846.560	-	1.922.846.560	-
- Chi phí đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp tuyến ống từ trạm bơm 390 đến 395	2.701.391.102	-	2.701.391.102	-
- Phải thu cắt giảm nhà thầu dự án mở rộng theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước	3.905.542.863	-	3.905.542.863	-
- Phải thu khác	2.262.913.281	-	980.028.722	-
	30.847.151.186	(5.210.337.062)	28.256.246.107	(5.210.337.062)

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	144.592.691.927	-	149.098.406.411	-
- Công cụ, dụng cụ	572.707.538	-	599.843.371	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.478.998.738	-	22.890.770.785	-
- Thành phẩm	38.477.018.040	-	201.417.642.054	-
	190.121.416.243	-	374.006.662.621	-

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Nghiên cứu thực hiện đề tài CA	33.552.540	33.552.540	33.552.540	33.552.540
	33.552.540	33.552.540	33.552.540	33.552.540

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	70.384.928.938	70.224.018.393
Dự án tái định cư (*)	70.198.329.211	70.086.922.211
Dự án nhánh đường sắt để quay đầu máy	137.096.182	137.096.182
Dự án trạm quan trắc tự động, liên tục khí thải	33.284.545	-
Dự án đầu tư XD công trình tuyến đường dây 35kV	16.219.000	-
- Sửa chữa lớn	296.896.000	-
Sửa chữa máy nghiền than lò Shell	282.750.000	-
Sửa chữa ống thép hợp kim lò Shell	14.146.000	-
	70.681.824.938	70.224.018.393

(*) Dự án xây dựng khu tái định cư do cải tạo mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc được UBND tỉnh Bắc Giang giao cho Công ty làm chủ đầu tư, tổng mức đầu tư là 87 tỷ đồng, nguồn vốn thực hiện từ thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, Công ty ứng vốn trước để thực hiện. Dự án bắt đầu thực hiện từ năm 2010, đến nay đã cơ bản hoàn thành và đang trong quá trình hoàn thiện chờ quyết toán.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	2.045.039.821.636	8.417.115.276.117	30.039.842.849	10.492.194.940.602
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.532.080.139	33.339.151.988	-	40.871.232.127
Số dư cuối kỳ	2.052.571.901.775	8.450.454.428.105	30.039.842.849	10.533.066.172.729
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	316.166.985.925	1.311.757.617.970	14.886.562.472	1.642.811.166.367
- Khấu hao trong kỳ	21.626.624.679	113.169.658.922	680.240.273	135.476.523.874
- Khấu hao được giãn 60% theo thông báo 947/HCVN-TCKT (*)	32.439.937.018	169.754.488.383	1.020.360.410	203.214.785.811
Số dư cuối kỳ	370.233.547.622	1.594.681.765.275	16.587.163.155	1.981.502.476.052
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	1.728.872.835.711	7.105.357.658.147	15.153.280.377	8.849.383.774.235
Tại ngày cuối kỳ	1.682.338.354.153	6.855.772.662.830	13.452.679.694	8.551.563.696.677

(*): Xem thêm chi tiết tại thuyết minh 2.10.

- Trong đó:*
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.300.686.678.853 đồng.
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.777.932.158 đồng.
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 512.087.070 đồng.
 - Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc đi vào sử dụng và được hạch toán tạm tăng TSCĐ từ tháng 4 năm 2015. Hiện nay, Công ty đã và đang lập báo cáo quyết toán, dự kiến hoàn thành trước 31/08/2017 để kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán hoàn thành từ các cơ quan có thẩm quyền. Tại ngày 30/06/2017, nguyên giá tạm tăng là 9.578.795.843.429 VND, giá trị khấu hao lũy kế là 1.278.109.164.576 đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính có nguyên giá 13.226.611.293 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2017 là 3.579.034.664 đồng, trong đó khấu hao ghi nhận vào chi phí trong 6 tháng đầu năm 2017 là 258.845.906 đồng, khấu hao được giãn 60% theo thông báo 947/HCVN-TCKT ghi nhận vào Chi phí trả trước là 388.268.860 đồng.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa lò Shell	-	675.120.000
- Bảo hiểm tài sản	24.079.739	77.605.017
- Tiền thưởng giỗ tổ và 30/4	1.370.500.000	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.870.548	264.477.129
	1.565.450.287	1.017.202.146
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn	4.070.845.236	5.787.240.407
- Công cụ dụng cụ đánh giá lại khi cổ phần hóa	984.262.892	1.312.350.523
- Khấu hao TSCĐ được giãn (chi tiết xem thêm thuyết minh 10 và 11)	203.603.054.674	-
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	160.100.475.186	169.518.150.197
- Tiền thuê đất	65.649.130.443	66.678.011.308
- Chi phí nạo vét cảng than	691.268.082	921.690.698
	435.099.036.513	244.217.443.133

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	564.100.000.000	564.100.000.000	644.100.000.000	634.700.000.000	573.500.000.000	573.500.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	58.103.792.758	58.103.792.758	27.227.118.795	24.137.908.000	61.193.003.553	61.193.003.553
	622.203.792.758	622.203.792.758	671.327.118.795	658.837.908.000	634.693.003.553	634.693.003.553
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ (1)	2.664.059.177.267	2.664.059.177.267	-	4.274.326.990	2.659.784.850.277	2.659.784.850.277
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang (2)	665.304.928.434	665.304.928.434	-	1.514.502.875	664.226.555.706	664.226.555.706
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bắc Giang (3)	3.957.262.000.000	3.957.262.000.000	-	-	3.957.262.000.000	3.957.262.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bắc Giang (ODA) (4)	143.058.504.000	143.058.504.000	1.758.184.000	24.137.908.000	120.678.780.000	120.678.780.000
- Vay cán bộ công nhân viên	12.490.000	12.490.000	-	-	12.490.000	12.490.000
	7.429.697.099.701	7.429.697.099.701	1.758.184.000	29.926.737.865	7.401.964.675.983	7.401.964.675.983
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(58.103.792.758)	(58.103.792.758)	(27.227.118.795)	(24.137.908.000)	(61.193.003.553)	(61.193.003.553)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.371.593.306.943	7.371.593.306.943			7.340.771.672.430	7.340.771.672.430

(2) Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bắc Giang:

Hợp đồng tín dụng số: : 02.68/HĐTD ngày 06/08/2010.
Tổng số tiền vay không vượt quá : 30.000.000,00 USD
Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc.
Lãi suất : Tổng của lãi suất tham chiếu USD và 2,5%/năm.
Năm đáo hạn : 2031
Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 29.173.689,2 USD (tương đương 664.226.555.706 VND), trong đó số đến hạn trả đến ngày 30/06/2018 là 38.310,8 USD (tương đương 872.260.294 VND).

(3) Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang:

Hợp đồng tín dụng số: : 45/2008/HĐTD ĐT-NHPT ngày 04/05/2008.
Tổng số tiền vay không vượt quá : 4.125.000.000.000 VND
Mục đích vay : Đầu tư Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc.
Lãi suất : Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm
Năm đáo hạn : 2023
Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 3.957.262.000.000 VND, trong đó số đến hạn trả đến ngày 30/06/2018 là 8.644.000.000 VND.

(4) Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang (ODA):

Hợp đồng tín dụng số: : 01/TDNN ngày 19/05/2003.
Tổng số tiền vay không vượt quá : 21.520.000,00 USD
Mục đích vay : Đầu tư cải tạo kỹ thuật nhà máy phân đạm Hà Bắc.
Lãi suất : 0%, phí cho vay lại là 0,2%/năm.
Năm đáo hạn : 2020
Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2017 là 5.380.000 USD (tương đương 120.678.780.000 VND), trong đó số đến hạn trả đến ngày 30/06/2018 là 2.152.000 USD (tương đương 48.271.512.000 VND).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tập đoàn CN Than Khoáng sản Việt Nam	103.946.012.231	103.946.012.231	67.095.189.211	67.095.189.211
- Công ty Hữu hạn CP khoa học kỹ thuật Ngũ Hoàn	210.352.238.394	210.352.238.394	182.662.012.558	182.662.012.558
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Gia	-	-	70.114.903.419	70.114.903.419
- Công ty Cổ phần Khoáng sản ĐAN KA	-	-	38.961.734.350	38.961.734.350
- Công ty Cổ phần Hợp Nhất	-	-	21.610.247.560	21.610.247.560
- Phải trả các đối tượng khác	20.305.002.671	20.305.002.671	46.734.549.809	46.734.549.809
	334.603.253.296	334.603.253.296	427.178.636.907	427.178.636.907
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	6.587.991.300	6.587.991.300	672.270.500	672.270.500

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Thủy Ngân	17.268.779.236	111.736.736
- Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Cường Liên	13.721.450.000	319.357.688
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp và Xây dựng Hải Phòng	5.882.700.000	17.978.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Diễn Châu	5.642.716.723	1.414.416.246
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hóa chất An Phú	5.150.633.950	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Thái Nguyên	1.284.439.760	2.998.889.760
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	11.111.915.936	7.334.664.792
	60.062.635.605	12.197.043.222

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	6.783.670.882	6.078.695.927	8.150.030.444	4.712.336.365
- Thuế xuất nhập khẩu	-	408.707.193	408.707.193	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.465.934	2.174.922	-	3.640.856
- Thuế tài nguyên	82.771.620	397.775.520	430.550.160	49.996.980
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.274.272.243	1.274.272.243	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các loại thuế, phí khác	195.639.000	373.545.485	550.632.119	18.552.366
	7.063.547.436	8.538.171.290	10.817.192.159	4.784.526.567

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.739.806.099	2.389.952.291
	1.739.806.099	2.389.952.291

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.081.657.570	595.375.480
- Bảo hiểm y tế	132.000	-
- Phải trả lãi vay	381.644.675.293	159.848.927.621
- Phải trả Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	55.923.293.437	55.573.309.915
- Chênh lệch thuế lấp đặt	13.280.418.189	13.438.777.576
- Vật tư đã nhập kho chưa thanh toán	-	8.514.138.129
- Chi phí dự án tái định cư	1.911.956.217	1.911.956.217
- Tiền hoàn thuế nhập khẩu phải trả	4.101.814.195	4.101.814.195
- Tiền hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu phải trả	24.014.736.464	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.111.205.929	2.530.979.509
	488.069.889.294	246.515.278.642
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.745.367.087	4.281.426.787
- Thu tiền sử dụng đất dự án tái định cư	65.908.000.000	65.447.200.000
	70.653.367.087	69.728.626.787

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự phòng sửa chữa TSCĐ định kỳ	4.765.181.216	-
	4.765.181.216	-

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016	2.722.000.000.000	(669.733.694.565)	2.052.266.305.435
Lỗ trong kỳ trước	-	(450.282.147.626)	(450.282.147.626)
Tại ngày 30/06/2016	2.722.000.000.000	(1.120.015.842.191)	1.601.984.157.809
Tại ngày 01/01/2017	2.722.000.000.000	(1.721.179.853.336)	1.000.820.146.664
Lỗ trong kỳ này	-	(312.879.919.860)	(312.879.919.860)
Tại ngày 30/06/2017	2.722.000.000.000	(2.034.059.773.196)	687.940.226.804

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có sự thay đổi về các chủ sở hữu Công ty trong kỳ.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 01/01/2017 và ngày 30/06/2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	97,66%	265.831.000	2.658.310.000.000
Các cổ đông khác	2,34%	6.369.000	63.690.000.000
	100,00%	272.200.000	2.722.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	272.200.000	272.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	272.200.000	272.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán sản phẩm sản xuất	1.194.189.017.253	965.454.075.602
	1.194.189.017.253	965.454.075.602
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	120.517.499.461	144.508.115.951

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	8.910.000.000	-
	8.910.000.000	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn bán sản phẩm sản xuất	1.098.545.665.057	1.051.983.007.084
	1.098.545.665.057	1.051.983.007.084

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	341.031.892	410.081.029
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.277.012.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	28.096.968	49.487.217
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	34.221.373.535
	2.646.140.860	34.680.941.781

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	337.349.947.164	313.548.781.150
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	292.184.912	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	303.896.556	14.931.687
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	10.379.041.393	2.895.335.401
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(1.648.350.498)	-
	346.676.719.527	316.459.048.238

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	3.107.423.320	1.340.720.089
Chi phí vận chuyển	13.445.521.740	28.176.159.239
	16.552.945.060	29.516.879.328

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	810.055.355	1.121.873.125
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	9.417.675.011	9.417.675.011
Chi phí nhân công	12.879.772.944	17.025.775.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.361.347.153	16.261.684.162
Thuế, phí, lệ phí	2.766.539.957	1.900.080.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.398.258	777.082.901
Chi phí khác bằng tiền	7.162.667.945	6.633.536.422
	38.914.456.623	53.137.707.499

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(312.879.919.860)	(450.282.147.626)
Các khoản điều chỉnh giảm	2.277.012.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.277.012.000	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(310.602.907.860)	(450.282.147.626)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	660.555.413.885	715.358.187.523
Chi phí nhân công	57.720.156.042	61.496.641.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.729.224.728	315.077.921.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.295.780.591	60.915.031.500
Chi phí khác bằng tiền	24.076.700.094	27.368.967.146
	979.377.275.340	1.180.216.748.701

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.295.881.371	-	27.603.598.705	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	190.163.211.452	(5.210.337.062)	138.519.023.541	(5.210.337.062)
	320.459.092.823	(5.210.337.062)	166.122.622.246	(5.210.337.062)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
	Nợ phải trả tài chính	
Vay và nợ	7.975.464.675.983	7.993.797.099.701
Phải trả người bán, phải trả khác	893.326.509.677	743.422.542.336
Chi phí phải trả	1.739.806.099	2.389.952.291
	8.870.530.991.759	8.739.609.594.328

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.295.881.371	-	-	130.295.881.371
Phải thu khách hàng, phải thu khác	184.818.874.390	134.000.000	-	184.952.874.390
	315.114.755.761	134.000.000	-	315.248.755.761
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.603.598.705	-	-	27.603.598.705
Phải thu khách hàng, phải thu khác	133.174.686.479	134.000.000	-	133.308.686.479
	160.778.285.184	134.000.000	-	160.912.285.184

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	634.693.003.553	2.580.625.690.521	4.760.145.981.909	7.975.464.675.983
Phải trả người bán, phải trả khác	822.673.142.590	70.653.367.087	-	893.326.509.677
Chi phí phải trả	1.739.806.099	-	-	1.739.806.099
	1.459.105.952.242	2.651.279.057.608	4.760.145.981.909	8.870.530.991.759
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	622.203.792.758	2.611.447.325.034	4.760.145.981.909	7.993.797.099.701
Phải trả người bán, phải trả khác	673.693.915.549	69.728.626.787	-	743.422.542.336
Chi phí phải trả	2.389.952.291	-	-	2.389.952.291
	1.298.287.660.598	2.681.175.951.821	4.760.145.981.909	8.739.609.594.328

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. THÔNG TIN KHÁC

a) Khoản lỗ lũy kế từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015) số tiền 669.733.694.565 đồng được thực hiện bàn giao sang Công ty cổ phần theo nội dung tại Bản công bố thông tin bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Quyết định số 15/QĐ-HCVN ngày 06/01/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.

b) Tại thời điểm 30/06/2017, Nợ ngắn hạn của Công ty là 1.536,68 tỷ VND, Tài sản ngắn hạn là 511,74 tỷ VND; lỗ lũy kế là (2.034,06) tỷ VND. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty, đồng thời Tập đoàn Hóa chất Việt Nam sẽ cùng Công ty tiếp tục thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp để Công ty ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo khả năng trả nợ.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm	
	2017	2016	
	VND	VND	
Doanh thu bán hàng	120.517.499.461	144.508.115.951	
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Cùng Tập đoàn	36.751.604.500	12.967.954.309
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng Tập đoàn	23.267.947.326	90.320.600.767
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	Công ty con	5.467.797.713	6.261.203.034
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	47.635.440.190	27.294.148.075
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	7.394.709.732	7.664.209.766
Mua hàng hóa, dịch vụ	8.643.138.859	2.775.652.072	
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	2.700.644.950	2.042.606.800
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	5.585.360.000	-
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	Cùng Tập đoàn	231.343.000	616.889.000
Công ty Cổ phần Cao Su Sao vàng	Cùng Tập đoàn	99.000.000	93.429.000
Trung Tâm Thông Tin Khoa học KT Hoá chất	Cùng Tập đoàn	9.090.909	22.727.272
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	Công ty con	17.700.000	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	30/06/2017	01/01/2017	
	VND	VND	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	62.716.632.782	42.391.325.559	
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng Tập đoàn	37.978.146.143	36.883.404.084
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	Cùng Tập đoàn	20.116.724.150	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	Công ty con	3.055.030.818	4.061.445.741
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	-	10.573.723
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	1.566.731.671	1.435.902.011
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.068.971.960	-	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	1.068.971.960	-
Phải trả người bán ngắn hạn	6.587.991.300	672.270.500	
Công ty TNHH một thành viên Đạm Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	6.143.896.000	-
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	-	235.779.500
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	290.400.000	376.200.000
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	Cùng Tập đoàn	153.695.300	60.291.000
Phải trả khác	55.923.293.437	55.573.309.915	
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	55.923.293.437	55.573.309.915
Vay	15.000.000.000	30.000.000.000	
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	15.000.000.000	30.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	712.400.000	892.550.000

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 do Công ty lập.



Nguyễn Thu Nga

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 01 tháng 08 năm 2017




Lê Thị Tân Hoa

Trưởng phòng Kế toán

Đỗ Doãn Hùng

Tổng Giám đốc

